

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

*Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính tương ứng đã công bố tại các Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022; Quyết định số 1647/QĐ-BVHTTDL ngày 26/6/2023; Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11/12/2023; Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024; Quyết định số 3955/QĐ-BVHTTDL ngày 09/12/2024; Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025; Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025; Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025; Quyết định số 4347/QĐ-BVHTTDL ngày 14/11/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để cáo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Trung tâm CDS VHTTDL (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (HC), Tài.100.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Tạ Quang Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 11 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
A	LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ				
1.	1.001709	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Bản quyền tác giả	Cục Bản quyền tác giả
2.	1.005160	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Bản quyền tác giả	Cục Bản quyền tác giả
3.	1.011656	Chấp thuận cho tổ chức phi lợi nhuận có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đọc thích nghi và tiếp cận thông tin thực hiện quyền sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Bản quyền tác giả	Cục Bản quyền tác giả
4.	1.011652	Ghi nhận tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Bản quyền tác giả	Cục Bản quyền tác giả
B	LĨNH VỰC BÁO CHÍ				
5.	1.009376	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trung ương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Báo chí	Cục Báo chí
6.	1.014462	Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Báo chí	Cục Báo chí
C	LĨNH VỰC DU LỊCH				
7.	1.004602	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Cục DLQGVN

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
8.	1.004591	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Cục DLQGVN
D LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ					
9.	2.001082	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Trung ương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	PTTT TTĐT	Cục PTTT &TTĐT
10.	2.002181	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	PTTT TTĐT	Cục PTTT &TTĐT
11.	1.002044	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	PTTT TTĐT	Cục PTTT &TTĐT
Đ LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH					
12.	1.004235	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp Trung ương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	XB, I &PH	Cục XB, I &PH
13.	1.004251	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp Trung ương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	XB, I &PH	Cục XB, I &PH
14.	1.003609	Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	XB, I &PH	Cục XB, I &PH
E LĨNH VỰC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA					
15.	1.003498	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp Trung ương	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Mua bán hàng hóa chuyên ngành văn hóa	Vụ Kế hoạch, Tài chính
16.	1.004617	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng dành cho người nước ngoài và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP		Vụ Kế hoạch, Tài chính
G LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM					
17.	1.002080	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức tại Việt Nam đưa ra nước ngoài đối với:	Vận dụng Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và	Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		- Triển lãm do các tổ chức ở Trung ương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại; - Triển lãm do tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại.		Triển lãm	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
A	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO				
1.	1.004639	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Quảng cáo	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
B	LĨNH VỰC BÁO CHÍ				
2.	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Báo chí	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
C	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH				
3.	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	XB, I &PH	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
4.	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	XB, I &PH	Sở VH TTDL/ Sở VH TT
D	LĨNH VỰC DU LỊCH				
5.	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Sở VH TTDL/ Sở Du lịch
6.	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Sở VH TTDL/ Sở Du lịch
7.	1.003717	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Sở VH TTDL/ Sở Du lịch

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài			
8.	1.014144	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Sở VHTTDL/ Sở Du lịch
9.	1.003002	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Du lịch	Sở VHTTDL/ Sở Du lịch
Đ LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM					
10.	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm	Sở VHTTDL/ Sở VH TT
E LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ					
11.	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	PTTT TTĐT	Sở VHTTDL/ Sở VH TT
12.	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	PTTT TTĐT	Sở VHTTDL/ Sở VH TT
G LĨNH VỰC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA					
13.	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Mua bán hàng hóa	Sở VHTTDL/ Sở VH TT
14.	1.014464	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	chuyên ngành văn hóa	UBND cấp tỉnh
H LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO					
15.	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VH TT

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
16.	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
17.	1.000953	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
18.	1.000936	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
19.	1.000920	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
20.	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
21.	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
22.	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
23.	1.000863	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
24.	1.000847	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
25.	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT
26.	1.000814	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VHTTDL/ Sở VHTT

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
27.	1.000644	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
28.	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
29.	1.005163	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
30.	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
31.	1.000594	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
32.	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
33.	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
34.	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
35.	1.000518	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
36.	1.000501	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
37.	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		động thể thao đối với môn Patin			
38.	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
39.	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
40.	1.001500	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
41.	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
42.	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
43.	1.001527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT
44.	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	TDTT	Sở VH TTDL/ Sở VHTT

III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
A LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ					
1.	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	PTTH& TTĐT	Ủy ban nhân dân cấp xã